

Số: 08/2024/CBTT-HIO

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333
- Email: info@helioenergy.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Helio Energy công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;
- Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.


3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2024 tại đường dẫn <http://helioenergy.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023;
- Giải trình biến động kết quả SXKD BCTC hợp nhất năm 2023.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 0692/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tuấn Linh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Ngân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.935.463.791		94.884.447.066	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.299.326.829		38.730.205.118	
1. Tiền	111		17.299.326.829		37.893.595.980	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		836.609.138	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	22.800.000.000		-	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.800.000.000		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.051.512.033		17.733.626.741	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.856.456.515		13.932.479.990	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.089.907.751		3.687.746.751	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	105.147.767		113.400.000	
IV. Hàng tồn kho	140	9	537.095.181		962.592.421	
1. Hàng tồn kho	141		537.095.181		962.592.421	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.247.529.748		37.458.022.786	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.675.102.226		2.328.783.653	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.572.427.522		35.129.239.133	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		455.386.314.167		507.074.996.634	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.855.000.000		3.290.457.600	
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.855.000.000		3.290.457.600	
II. Tài sản cố định	220		378.157.042.371		431.336.709.464	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	378.157.042.371		431.336.709.464	
- Nguyên giá	222		493.147.313.989		508.787.926.251	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.990.271.618)		(77.451.216.787)	
III. Bất động sản đầu tư	230	12	54.644.804.103		60.178.554.875	
- Nguyên giá	231		67.768.155.812		68.836.297.151	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.123.351.709)		(8.657.742.276)	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	15.002.288.849		5.991.350.302	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.002.288.849		5.001.350.302	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-		990.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.727.178.844		6.277.924.393	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.938.674.658		2.058.638.335	
2. Lợi thế thương mại	269	15	2.788.504.186		4.219.286.058	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		546.321.777.958		601.959.443.700	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.703.326.096	378.414.514.186
I. Nợ ngắn hạn	310		74.337.604.752	71.515.630.331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.721.808.239	5.518.962.172
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.487.908.304	1.629.285.641
3. Phải trả người lao động	314		1.042.388.159	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.531.866.656	3.884.521.782
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	915.833.394	-
6. Vay ngắn hạn	320	19	62.637.800.000	60.482.860.736
II. Nợ dài hạn	330		238.365.721.344	306.898.883.855
1. Vay dài hạn	338	20	237.562.083.738	306.506.937.874
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	803.637.606	391.945.981
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.618.451.862	223.544.929.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	233.618.451.862	223.544.929.514
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.331.664.665	8.331.664.665
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.286.787.197	5.213.264.849
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.213.264.849	(1.126.945.658)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.073.522.348	6.340.210.507
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		546.321.777.958	601.959.443.700



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	124.049.023.312	102.206.514.887
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		124.049.023.312	102.206.514.887
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	70.174.440.178	58.516.486.978
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.874.583.134	43.690.027.909
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.378.719.251	5.406.598.180
6. Chi phí tài chính	22	28	36.047.171.426	34.434.029.353
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.978.911.475	34.357.665.716
7. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24	5	(195.761.453)	(68.649.698)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	8.189.062.759	7.263.487.866
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22+24)-26)	30		11.821.306.747	7.330.459.172
10. Thu nhập khác	31	30	1.189.622.339	463.738.808
11. Chi phí khác	32	30	1.082.860.042	317.803.477
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		106.762.297	145.935.331
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.928.069.044	7.476.394.503
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.442.855.071	861.625.771
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	411.691.625	274.558.225
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.073.522.348	6.340.210.507
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	480	302



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc


Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.928.069.044	7.476.394.503
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	45.898.785.414	40.386.051.942
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.179.938.408)	(5.337.948.482)
Chi phí lãi vay	06	35.978.911.475	34.357.665.716
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	91.625.827.525	76.882.163.679
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.830.055.691	25.314.137.487
Thay đổi hàng tồn kho	10	425.497.240	394.161.672
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	789.662.427	(11.915.007.023)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(226.354.896)	(1.707.291.854)
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.023.178.082)	(34.305.471.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.459.981.013)	(75.272.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.961.528.892	54.587.419.735
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(102.201.818)	(17.158.071.720)
2. Tiền chi cho vay	23	(48.530.000.000)	(19.690.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	48.530.000.000	121.822.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.006.700.000)	(78.666.050.506)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	9.296.041.745	-
6. Tiền thu lãi cho vay	27	1.999.367.764	10.042.515.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.813.492.309)	16.350.893.380
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.796.802.656	124.295.854.564
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(102.375.717.528)	(160.868.588.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.578.914.872)	(36.572.733.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(21.430.878.289)	34.365.579.349
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.730.205.118	4.364.625.769
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	17.299.326.829	38.730.205.118


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1 – Công ty TNHH Một thành viên với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020. Ngày 01 tháng 4 năm 2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên sửa đổi lần 1 với nội dung thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ “Công ty Cổ phần Helio Power” (nay tên là “Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli”) sang chủ sở hữu mới là “Công ty Cổ phần Đầu tư Helios” (nay tên là “Công ty Cổ phần Helio Power”). Từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 đến ngày 21 tháng 10 năm 2021, chủ sở hữu mới của Công ty đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 210.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2021 với tên là Công ty Cổ phần Heaven Power.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 3 với nội dung thay đổi tên doanh nghiệp từ “Công ty Cổ phần Heaven Power” thành “Công ty Cổ phần Helio Energy”. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 46 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, phân phối điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy, thiết bị dây dẫn điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;

- Trồng cây ăn quả, cây lấy quả chứa dầu, cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, cây hàng năm và cây lâu năm khác; và
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

- Ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 36% vốn góp (tương ứng 3.240.000.000 VND) của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn với giá chuyển nhượng là 3.013.200.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.
- Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 36% vốn góp (tương ứng 3.240.000.000 VND) của Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam với giá chuyển nhượng là 2.948.400.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.
- Ngày 13 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Apollo Power 2 - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 37% vốn góp (tương ứng 3.330.000.000 VND) của Công ty TNHH NVP Việt Nam với giá chuyển nhượng là 3.230.100.000 VND, theo đó nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ kiểm soát tại công ty này lên 48% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: Công ty TNHH Apollo Power 2 nắm giữ 11% tỷ lệ biểu quyết và sở hữu tại Công ty TNHH NVP Việt Nam), theo đó, Công ty TNHH NVP Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2023.
- Ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú và Công ty TNHH Apollo Power 2 – các công ty con của Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các công ty này tại Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà - công ty con gián tiếp của Công ty cho Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền và Bà Trần Thị Thu Thủy với giá chuyển nhượng lần lượt là 6.207.300.000 VND (trong đó, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt: 3.197.700.000 VND, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú: 3.009.600.000 VND) và 3.197.700.000 VND. Theo đó, kể từ ngày này, công ty này không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

125
NG
NH
1 TO
OIT
TN
A-1
475
TY
HÀN
10
RG
5 H

**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 26 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp).

Thông tin chi tiết về công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 8, số 152 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Bức Tiến Mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
10	Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
20	Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
24	Công ty TNHH MTV Nghiên Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thông tin chi tiết về công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thăng	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, Xã Đắk Búk So, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thông tin chi tiết về công ty liên kết gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	30%	30%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	23%	23%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Đắc R-Tích, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	48%	48%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	36%	36%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Số 5c, Ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	36%	36%	Sản xuất điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế

toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hợp nhất kinh doanh không dưới sự kiểm soát chung

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

25
G
H
T
N

478
G
H
L
R
H

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tấm pin mặt trời	15 - 20

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm khung giàn nhà xưởng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ cho thuê khung giàn, nhà xưởng chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm/kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận dựa trên sản lượng điện được công bố trên website của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí điện bao gồm các khoản chi phí cần thiết để có được doanh thu bán điện kể từ ngày phát điện.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.476.342.000	1.478.050.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.822.984.829	36.415.545.980
Các khoản tương đương tiền	-	836.609.138
	17.299.326.829	38.730.205.118

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư của các công ty con gián tiếp của Công ty cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber theo các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư ngày 28 tháng 9 năm 2023. Thời hạn hợp đồng là 10 tháng kể từ ngày chuyển vốn ủy thác, cụ thể như sau:

Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư theo công ty con:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công Ty TNHH Quang Trung Việt Nam	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	5.200.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	1.750.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Solar	1.750.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	1.550.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	1.050.000.000	-
	22.800.000.000	-

Chi tiết danh mục đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber:

Danh mục đầu tư	Giá trị (VND)
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	1.750.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	1.750.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	1.550.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	1.400.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	1.400.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	1.400.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	1.300.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	1.300.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	1.050.000.000
	22.800.000.000

(*) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber đã mua phần vốn góp của các công ty này từ ông Cao Xuân Thành - bên liên quan của Công ty (người đại diện quản lý vốn góp của Công ty mẹ).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.000.000.000	2.927.579.830	3.000.000.000	2.994.980.607
Công ty TNHH VVT Việt Nam	2.070.000.000	1.846.098.765	2.070.000.000	2.006.369.695
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.225.100.000	4.246.583.337	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	3.018.200.000	3.029.559.305	-	-
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	2.953.400.000	2.952.467.612	-	-
	15.266.700.000	15.002.288.849	5.070.000.000	5.001.350.302

Thông tin tình hình hoạt động các công ty liên kết:

	Năm nay	Năm trước
Đầu tư vào các công ty liên kết		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Chưa là công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Hoạt động kinh doanh có lãi	Chưa là công ty liên kết
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Chưa là công ty liên kết

Biến động các khoản đầu tư liên kết:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.001.350.302	-
Phần (lỗ) trong công ty liên kết	(195.761.453)	(68.649.698)
Tăng do đầu tư, góp vốn thêm trong năm (i)	9.206.700.000	5.070.000.000
Tăng do chuyển đầu tư vào đơn vị khác thành đầu tư vào công ty liên kết trong năm (i)	990.000.000	-
Số dư cuối năm	15.002.288.849	5.001.350.302

(i) Trong năm, các công ty con của Công ty đã đầu tư mua phần vốn góp vào các Công ty liên kết như đã trình bày tại Thuyết minh số 01.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, ngày 13 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Apollo Power 2 - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 37% vốn góp (tương ứng 3.330.000.000 VND) của Công ty TNHH NVP Việt Nam với giá chuyển nhượng là 3.230.100.000 VND, theo đó nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ kiểm soát tại công ty này lên 48% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: Công ty TNHH Apollo Power 2 nắm giữ 11% tỷ lệ biểu quyết và sở hữu tại Công ty TNHH NVP Việt Nam), theo đó, Công ty TNHH NVP Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2023.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Điện lực Đắk Lắk	3.292.796.065	3.218.025.826
Công ty Điện lực Đắk Nông	2.273.261.994	2.676.086.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	942.699.996	2.616.416.663
Công ty Điện lực Bình Dương	870.966.806	945.774.396
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	486.192.400	821.856.784
Công ty Điện lực Bình Thuận	323.468.274	331.737.693
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	178.830.980	183.022.210
Phải thu các khách hàng khác	13.488.240.000	3.139.560.000
	21.856.456.515	13.932.479.990
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	8.607.600.000	123.120.000

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, một số quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	629.937.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	404.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	1.396.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	-	629.937.000
Các nhà cung cấp khác	55.470.751	556.319.751
	1.089.907.751	3.687.746.751

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Đặt cọc	100.000.000	100.000.000
Tạm ứng	3.543.747	13.400.000
Các khoản khác	1.604.020	-
	105.147.767	113.400.000
b. Dài hạn		
Đặt cọc	2.855.000.000	3.290.457.600
	2.855.000.000	3.290.457.600
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	430.000.000	860.457.600

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.800.000	-	-	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế	135.733.182	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	387.561.999	-	962.592.421	-
	537.095.181	-	962.592.421	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	1.726.001.746	2.077.822.056
Chi phí bảo hiểm	340.580.708	80.797.532
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.653.688	93.463.049
Các khoản khác	586.866.084	76.701.016
	2.675.102.226	2.328.783.653
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	794.561.421	1.263.189.166
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	158.093.726	286.825.992
Chi phí thuê hệ thống cấp nước	124.925.311	273.745.519
Các khoản khác	861.094.200	234.877.658
	1.938.674.658	2.058.638.335

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	10.880.899.062	156.975.282.444	-	89.414.373.645	251.517.371.100	508.787.926.251
Tăng trong năm	-	-	102.201.818	-	-	102.201.818
Giảm do thoái vốn	(442.322.793)	(4.102.866.209)	-	(2.765.925.495)	(6.048.866.422)	(13.359.980.919)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.382.833.161)	-	-	-	-	(2.382.833.161)
Số dư cuối năm	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.608.677.984	27.753.707.989	-	15.332.450.632	32.756.380.182	77.451.216.787
Khấu hao trong năm	836.065.201	14.710.122.550	16.026.269	9.341.530.626	15.907.874.458	40.811.619.104
Giảm do thoái vốn	(87.092.609)	(979.870.361)	-	(716.468.305)	(1.021.106.987)	(2.804.538.262)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(468.026.011)	-	-	-	-	(468.026.011)
Số dư cuối năm	1.889.624.565	41.483.960.178	16.026.269	23.957.512.953	47.643.147.653	114.990.271.618
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	9.272.221.078	129.221.574.455	-	74.081.923.013	218.760.990.918	431.336.709.464
Tại ngày cuối năm	6.166.118.543	111.388.456.057	86.175.549	62.690.935.197	197.825.357.025	378.157.042.371

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản cố định gồm toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 377.388.558.965 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 430.510.056.679 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	68.836.297.151
Phân loại lại từ TSCĐHH do thay đổi mục đích sử dụng	2.382.833.161
Giảm do thoái vốn	(3.450.974.500)
Số dư cuối năm	<u>67.768.155.812</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	8.657.742.276
Trích khấu hao trong năm	4.648.830.396
Phân loại lại từ TSCĐHH do thay đổi mục đích sử dụng	468.026.011
Giảm do thoái vốn	(651.246.974)
Số dư cuối năm	<u>13.123.351.709</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>60.178.554.875</u>
Tại ngày cuối năm	<u>54.644.804.103</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư là hệ thống khung giàn nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.644.804.103 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 60.178.554.875 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 4.858.333.266 VND (năm 2022: 2.336.416.663 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 5.061.116.457 VND (năm 2022: 2.304.352.456 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giảm do thoái vốn VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.451.700.900	1.442.855.071	1.459.981.013	2.254.550	1.432.320.408
Thuế thu nhập cá nhân	177.584.741	350.381.568	472.378.413	-	55.587.896
Thuế khác	-	77.000.000	77.000.000	-	-
	<u>1.629.285.641</u>	<u>1.870.236.639</u>	<u>2.009.359.426</u>	<u>2.254.550</u>	<u>1.487.908.304</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	803.637.606	391.945.981
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>803.637.606</u>	<u>391.945.981</u>

15. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Lợi thể thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.480.657.761
Giảm do thoái vốn	(1.167.583.474)
Số dư cuối năm	3.313.074.287
PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	261.371.703
Phân bổ trong năm	438.335.914
Giảm do thoái vốn	(175.137.516)
Số dư cuối năm	524.570.101
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	4.219.286.058
Tại ngày cuối năm	2.788.504.186

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	769.781.575	1.438.699.459	1.438.699.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	688.490.000	688.490.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật TEG	429.849.546	429.849.546	2.006.856.804	2.006.856.804
Công ty Cổ phần Năng lượng NCC	429.510.000	429.510.000	429.510.000	429.510.000
Công ty TNHH Vinh Quang	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	-	-	1.030.806.000	1.030.806.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.004.177.118	1.004.177.118	613.089.909	613.089.909
	3.721.808.239	3.721.808.239	5.518.962.172	5.518.962.172
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	769.781.575	769.781.575	1.463.222.695	1.463.222.695

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.432.536.132	1.410.032.528
Chi phí lãi vay	904.821.714	949.088.321
Các khoản trích trước khác	1.194.508.810	1.525.400.933
	4.531.866.656	3.884.521.782

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu nhận trước (i)	915.833.394	-
	<u>915.833.394</u>	<u>-</u>

- (i) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh khoản nhận trước tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng Oscar thuê khung giàn nhà xưởng với kỳ hạn từ 02 đến 05 tháng.

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	Giảm do thoái vốn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	835.000.000	835.000.000	5.510.000.000	4.610.000.000	870.000.000	865.000.000	865.000.000	865.000.000
Phạm Thị Hồng Nhung (i)	-	-	760.000.000	510.000.000	-	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Đỗ Tuấn Dũng (i)	-	-	785.000.000	550.000.000	-	235.000.000	235.000.000	235.000.000
Lê Hải Long (i)	180.000.000	180.000.000	535.000.000	570.000.000	-	145.000.000	145.000.000	145.000.000
Đỗ Kiên Trung (i)	175.000.000	175.000.000	970.000.000	1.020.000.000	-	125.000.000	125.000.000	125.000.000
Đỗ Thị Lưu (i)	80.000.000	80.000.000	565.000.000	535.000.000	-	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Phan Thành Đạt	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Lê Nam Hải	-	-	870.000.000	-	870.000.000	-	-	-
Vũ Thanh Huyền	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-
Trịnh Nam Thắng	-	-	275.000.000	275.000.000	-	-	-	-
Lê Thị Ngọc Huyền	-	-	270.000.000	270.000.000	-	-	-	-
Hồ Nam Phong	-	-	180.000.000	180.000.000	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	59.647.860.736	59.647.860.736	61.772.800.000	59.497.860.736	150.000.000	61.772.800.000	61.772.800.000	61.772.800.000
(xem Thuyết minh số 20)								
	60.482.860.736	60.482.860.736	67.282.800.000	64.107.860.736	1.020.000.000	62.637.800.000	62.637.800.000	62.637.800.000

(i) Phản ánh các khoản vay tín chấp từ các cá nhân là Giám đốc và Kế toán trưởng của các công ty con của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công ty con theo các Hợp đồng vay vốn trong tháng 1 và tháng 7 năm 2023. Thời hạn gốc của các khoản vay là 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, sau đó được gia hạn thêm 08 tháng. Các khoản vay có lãi suất 10%/năm, thời hạn trả lãi là 03 tháng kể từ ngày trả hết nợ gốc vay. Gốc vay được thanh toán một lần khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm				Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thoái vốn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND			VND	VND		
Vay dài hạn								
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê (i)	153.538.160.000	153.538.160.000	38.286.802.656	32.923.800.000	-	158.901.162.656	158.901.162.656	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	58.504.493.976	58.504.493.976	-	6.100.000.000	-	52.404.493.976	52.404.493.976	
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (iii)	51.697.908.426	51.697.908.426	-	6.542.000.000	-	45.155.908.426	45.155.908.426	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (iv)	44.744.318.680	44.744.318.680	-	8.850.000.000	7.341.000.000	28.553.318.680	28.553.318.680	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	16.360.000.000	16.360.000.000	-	2.040.000.000	-	14.320.000.000	14.320.000.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc	41.309.917.528	41.309.917.528	-	41.309.917.528	-	-	-	
	366.154.798.610	366.154.798.610	38.286.802.656	97.765.717.528	7.341.000.000	299.334.883.738	299.334.883.738	
Trong đó:								
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	59.647.860.736	59.647.860.736				61.772.800.000	61.772.800.000	
- Số phải trả sau 12 tháng	306.506.937.874	306.506.937.874				237.562.083.738	237.562.083.738	

Các khoản vay dài hạn trả gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ. Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Số tiền vay tối đa (VND)	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	204.000.000.000	Xây dựng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 3/2020)	thả nổi, dao động từ 10,6% đến 11,9%/năm cố định 6,8%/năm trong năm đầu tiên	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12)
38.286.802.656	Tài tài trợ khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	82 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 3/2023)	6,8%/năm trong năm đầu tiên	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12)	
(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	61.081.000.000	Trả nợ bên thứ 3 liên quan đến thực hiện Dự án Đầu tư Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 2 - Quý 3/2022)	cố định trong 2 năm đầu tiên, sau đó thả nổi, dao động từ 7,5% đến 8,4%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12) Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty (Thuyết minh số 21) và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Apollo Power 2, Công ty TNHH Apollo Power 4, Công ty TNHH Ampire Power 3, Công ty TNHH Helio Bình Thuận Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư, quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện, hợp đồng bảo hiểm điện mặt trời trên mái nhà và hợp đồng thuê mái từ các công ty trên (Thuyết minh số 06)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	17.320.000.000				
(iii) Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	11.000.000.000	Thực hiện dự án "Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tại Xã Hàm Thạnh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận"	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 4/2020)	thả nổi, dao động từ 9,7% - 11,6%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12) Quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện tại Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam, Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam, Công ty TNHH NHH Solar Việt Nam (Thuyết minh số 06) và các quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
30.000.000.000	Tái tài trợ khoản vay với Ngân hàng TMCP Nam Á	Kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến tháng 11/2027	thả nổi, dao động từ 10,2% - 12,1%/năm		
15.000.000.000	Vay bù đắp một phần chi phí dự án	120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 3/2022)	thả nổi, dao động từ 8% - 9,5%/năm		
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	47.200.000.000	Đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời áp mái kết hợp trang trại nông nghiệp công nghệ cao	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 4/2020)	thả nổi, dao động từ 8% - 9,5%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	61.772.800.000	59.647.860.736
Trong năm thứ hai	63.772.800.000	62.530.267.304
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	148.932.469.981	193.170.794.184
Sau năm năm	24.856.813.757	50.805.876.386
	299.334.883.738	366.154.798.610
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	61.772.800.000	59.647.860.736
Số phải trả sau 12 tháng	237.562.083.738	306.506.937.874

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu (i) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	8.331.664.665	(1.126.945.658)	217.204.719.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.340.210.507	6.340.210.507
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	8.331.664.665	5.213.264.849	223.544.929.514
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.073.522.348	10.073.522.348
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862

- (i) Phản ánh khoản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung 26 công ty con trực tiếp của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào 26 công ty con trực tiếp và giá trị ghi sổ tài sản thuần của các công ty con này tại ngày hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Chi tiết quỹ khác phát sinh từ các công ty con như sau:

Công ty	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Apollo Power 2	(83.710.893)
Công ty TNHH Apollo Power 4	(294.927.136)
Công ty TNHH Ampire Power 4	146.285.178
Công ty TNHH Omega Power 3	(108.650.691)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	210.682.120
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	536.643.523
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	511.907.341
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	456.169.175
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	608.218.022
Công ty TNHH KCP Energy	600.358.046
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	450.194.540
Công ty TNHH New Power Việt Nam	368.993.128
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	475.163.306
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	373.275.598
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	523.224.082
Công ty TNHH Two Brothers Energy	571.280.187
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	511.046.969
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	538.657.837

Công ty	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	329.241.733
Công ty TNHH Solar Việt	335.701.003
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	634.817.500
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	660.328.380
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	78.853.767
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	(6.397.902)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	(76.379.705)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	(19.310.443)
Tổng	8.331.664.665

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000	21.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.000.000</i>	<i>21.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.000.000</i>	<i>21.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 210.000.000.000 VND). Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, theo đó số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tối thiểu của các cổ đông sau khi chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 14.556.000 cổ phần tương đương 69,31% với Công ty Cổ phần Helio Power và 10.000 cổ phần tương đương 0,05% với ông Hoàng Thế Anh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	69,31%	147.302.000.000	70,14%
Các cổ đông khác	64.440.000.000	30,69%	62.698.000.000	29,86%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Từ 1 năm trở xuống	4.938.891.675	6.504.890.817
Trên 1 năm đến 5 năm	16.103.854.349	21.106.338.473
Trên 5 năm	38.121.659.956	41.152.904.586
	59.164.405.980	68.764.133.876

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

Hợp đồng thuê	Diện tích thuê (m2)	Giá thuê	Thời hạn thuê
Thuê văn phòng tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	175	Năm đầu tiên là 215.114.400 VND/tháng, sau đó điều chỉnh tăng hàng năm	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 đến ngày 20 tháng 03 năm 2027
Thuê mái tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	363.636.364 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Cụm Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	6.832	310.545.455 VND/năm	20 năm từ ngày 21 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	6.400	Trong vòng 4 năm đầu tiên tính bằng 5% doanh thu bán điện/năm, giá thuê từ năm thứ 5 đến năm thứ 20 tính bằng 8% doanh thu bán điện/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 9 năm 2020
Thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (phần diện tích phụ)	27	3.780.000 VND/năm	
Thuê nhà tại Đồng Nai	141,4	108.000.000 VND/năm	36 tháng kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023
Thuê nhà tại Đắk Nông	125	86.666.666 VND/năm	15 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022, phụ lục gia hạn đến ngày 08 tháng 12 năm 2026
Tiền thuê nhà tại Đắk Lắk	150	106.666.666 VND/năm	12 tháng kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023, phụ lục gia hạn đến ngày 18 tháng 01 năm 2027
Thuê thiết bị Recloser (03 công ty)		Đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 30.606.620 VND/năm	12 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	360.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tân Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	3.920	183.300.000 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	7.800	2,06 USD/m2/năm (bao gồm thuế) theo tỷ giá mua	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Hợp đồng thuê	Diện tích thuê (m ²)	Giá thuê	Thời hạn thuê
Thuê mái tại KCN Nam Tân Uyên mở rộng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	5.000	bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 250.000.000 VND/năm (bao gồm thuế) áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 16 tháng 12 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	2.276,3	170.722.500 VND/năm áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận	3.000	150.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 01 tháng 6 năm 2020
Thuê quyền sử dụng đất (24 công ty)		20.000.000 VND/năm miễn tiền thuê trong 3 năm đầu tiên, từ năm thứ 4 giá thuê bằng 7 - 8,5% doanh thu hoạt động liên quan trực tiếp đến diện tích đất thuê đối với mỗi công ty	18 đến 20 năm từ tháng 9, tháng 11 và tháng 12 năm 2022
Thuê quyền sử dụng đất (04 công ty)			đến ngày 31 tháng 12 năm 2040

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Bán điện VND	Dịch vụ tư vấn/quản lý VND	Hoạt động nông nghiệp VND	Dịch vụ cho thuê VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	99.665.400.946	19.512.405.600	-	4.871.216.766	124.049.023.312
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	55.484.748.893	9.615.691.328	-	5.073.999.957	70.174.440.178
Thu nhập khác trực tiếp của bộ phận	-	-	800.001.740	-	800.001.740
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	35.978.911.475	-	900.902.842	-	36.879.814.317
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	8.201.740.578	9.896.714.272	(100.901.102)	(202.783.191)	17.794.770.557
Thu nhập không phân bổ					2.768.339.850
Chi phí không phân bổ					8.635.041.363
Lợi nhuận trước thuế					11.928.069.044
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.854.546.696
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.073.522.348

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	90.175.300.304	6.707.000.000	2.974.914.420	2.349.300.163	102.206.514.887
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	50.698.958.113	1.792.266.483	3.708.026.426	2.317.235.956	58.516.486.978
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	34.502.679.051	-	-	-	34.502.679.051
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	4.973.663.140	4.914.733.517	(733.112.006)	32.064.207	9.187.348.858
Thu nhập không phân bổ					5.870.336.988
Chi phí không phân bổ					7.581.291.343
Lợi nhuận trước thuế					7.476.394.503
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.136.183.996
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.340.210.507
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	472.553.916.825	14.899.342.686	-	55.081.365.457	542.534.624.968
Tài sản không phân bổ					3.787.152.990
Tổng Tài sản					546.321.777.958
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	305.458.075.926	3.015.865.132	13.122.000	-	308.487.063.058
Nợ phải trả không phân bổ					4.216.263.038
Tổng Nợ phải trả					312.703.326.096
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	529.297.392.621	6.027.138.686	2.651.048.808	62.794.971.540	600.770.551.655
Tài sản không phân bổ					1.188.892.045
Tổng Tài sản					601.959.443.700
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	372.182.729.558	2.315.677.528	23.122.000	-	374.521.529.086
Nợ phải trả không phân bổ					3.892.985.100
Tổng Nợ phải trả					378.414.514.186

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	99.665.400.946	90.175.300.304
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	19.512.405.600	6.707.000.000
Doanh thu cho thuê	4.871.216.766	2.349.300.163
Doanh thu hoạt động nông nghiệp	-	2.974.914.420
	124.049.023.312	102.206.514.887
Trong đó: Doanh thu phát sinh với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	8.734.983.700	3.934.883.500

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	55.484.748.893	50.698.958.113
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	9.615.691.328	1.792.266.483
Giá vốn hoạt động cho thuê	5.073.999.957	2.317.235.956
Giá vốn hoạt động nông nghiệp	-	3.708.026.426
	70.174.440.178	58.516.486.978

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	10.843.084.427	5.185.371.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	45.748.470.492	40.826.375.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.160.895.759	19.055.660.092
Chi phí khác bằng tiền	621.948.572	318.405.874
	78.374.399.250	65.385.813.172

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.999.367.764	5.406.598.180
Lãi từ chuyển nhượng vốn	376.332.097	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.019.390	-
	2.378.719.251	5.406.598.180

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	35.978.911.475	34.357.665.716
Chi phí tài chính khác	68.259.951	76.363.637
	36.047.171.426	34.434.029.353

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.572.282.600	2.016.452.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.604.197	118.712.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.697.746.232	4.561.837.388
Phân bổ lợi thế thương mại	438.335.914	261.371.703
Chi phí khác bằng tiền	346.093.816	305.113.216
	8.189.062.759	7.263.487.866

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp	800.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	368.128.304	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	440.323.404
Các khoản khác	21.494.035	23.415.404
	1.189.622.339	463.738.808
Chi phí khác		
Chi phí cho hoạt động nông nghiệp	900.902.842	-
Các khoản khác	181.957.200	317.803.477
	1.082.860.042	317.803.477

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.434.601.958	861.625.771
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	8.253.113	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.442.855.071	861.625.771

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	11.928.069.044	7.476.394.503
Điều chỉnh lợi nhuận trên góc độ hợp nhất	(594.612.646)	3.232.433.644
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	(4.648.929.271)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	5.970.634.175
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.366.580.277	5.970.634.175
	19.700.036.675	12.030.533.051
<i>Trong đó:</i>		
- (Lỗ) tính thuế	-	(671.233.362)
- Thu nhập tính thuế	19.700.036.675	12.701.766.413
Chuyển lỗ	(671.233.362)	-
Chuyển lãi vay không được trừ năm 2021, 2022 thành chi phí lãi vay được trừ năm 2023	(1.200.700.011)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.828.103.302	12.701.766.413
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	7.076.816.762	4.281.443.885
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	192.386.060	53.369.944
Thu nhập chịu thuế được miễn	10.558.900.480	8.366.952.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.434.601.958	861.625.771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.434.601.958	861.625.771

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	301.722.878	208.107.532
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý	109.968.747	66.450.693
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	411.691.625	274.558.225

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.073.522.348	6.340.210.507
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.073.522.348	6.340.210.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	302

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Cao Xuân Thành	Người đại diện quản lý vốn góp của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Bà Nguyễn Thị Lan)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 12 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 08 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 13 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	877.603.500	228.883.500
Công ty TNHH Alpha Solar 3	871.880.200	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	864.000.000	216.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	291.500.000	Chưa là bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	-	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	-	144.000.000
Công ty TNHH Atlas Power 1	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 4	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	-
	8.734.983.700	3.934.883.500
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.955.574.328	1.582.131.716
Công ty TNHH Alpha Solar 4	9.823.200	9.823.200
Công ty TNHH Alpha Solar 3	5.629.250	5.629.250
Công ty Cổ phần Helio Power	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	56.100.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	12.883.500
	1.971.026.778	2.266.567.666
Cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	160.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	565.000.000
	-	725.000.000
Thu hồi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	17.083.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	5.705.000.000
	-	22.788.000.000
Nhận tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	400.000.000
Trả tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-
Nhận lãi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	932.600.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	594.500.000
	-	1.527.100.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	593.212.712
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	109.545.479
	-	702.758.191

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 3	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 4	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
	8.607.600.000	123.120.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Amber Capital	430.000.000	860.457.600
	430.000.000	860.457.600
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	1.438.699.459
Công ty TNHH Alpha Solar 4	-	10.609.056
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	13.914.180
	769.781.575	1.463.222.695
Vay ngắn hạn		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	400.000.000

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	300.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan	120.000.000	20.000.000
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	10.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	25.000.000
Ông Hoàng Thế Anh	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-	35.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.913.859.267	880.332.000
Ông Phan Thành Đạt	790.286.503	398.529.000
Ông Bùi Tuấn Dương	576.238.697	255.818.867
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	547.334.067	225.984.133
Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024